

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2024

V/v "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành

Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Luyện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 365/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2023, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-DS ngày 19/4/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Tiêu Hà P, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương

(Xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. (xin xét xử vắng mặt).

- **Người làm chứng:**

+ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1955; (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1964; (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh **Tiêu Hà P** trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Anh **P** và chị **Nguyễn Thị L** kết hôn vào ngày 21/12/2012 trên cơ sở tự do tìm hiểu và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương**. Sau khi kết hôn được khoảng 5 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, xung đột. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp về tính cách, chị **L** không chăm lo gia đình mà chỉ ham chơi dẫn đến xảy ra xô xát, cãi vã trong quá trình chung sống. Chị **L** bỏ về nhà đẻ từ tháng 7/2018, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Anh xác định tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng nên xin ly hôn chị **L**.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là **Tiêu Gia B**, sinh ngày 20/12/2014 và **Tiêu Gia L2**, sinh ngày 29/4/2017. Anh trực tiếp nuôi hai con từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị **L** không quan tâm gì đến con. Hai con có nguyện vọng xin ở với anh. Vì vậy, khi ly hôn anh xin nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện anh công việc thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho chị **L** thông qua bà **L1** (là mẹ đẻ). Bà **L1** xác định chị **L** đi làm ăn, bà không biết địa chỉ cụ thể ở đâu nhưng chị **L** liên lạc về cho bà. Bà **L1** đã thông báo cho chị **L** biết nội dung các văn bản của Tòa án.

Trước khi mở phiên toà, chị **L** đến Toà trình bày chị nhận được văn bản tố tụng của Toà án nhưng chị bận công việc, chị không muốn gặp anh **P** nên chị không đến Toà làm việc. Về quan hệ vợ chồng: Chị xác định chị và anh **P** không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, anh **P** làm đơn xin ly hôn chị đồng ý ly hôn. Về quan hệ con chung: Chị xác định chị và anh **P** có 02 con chung như anh **P** trình bày, chị nhất trí để anh **P** nuôi cả hai con. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị và anh **P** không có, không đề nghị giải quyết. Chị xin xét xử vắng mặt tại phiên toà.

Quan điểm gia đình chị **L**, anh **P**: Xác định anh **P** và chị **L** quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn khả năng đoàn tụ, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Nếu các bên ly hôn, gia đình anh **P** đề nghị giao các con chung cho anh **P** tiếp tục nuôi dưỡng. Gia đình anh **P** hỗ trợ chỗ ở cho anh **P** khi nuôi con. Anh chị không có công sức đóng góp gia đình hai bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- **Về việc tuân theo pháp luật:** Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh **P** trong quá trình tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Chị **L** không chấp hành các quy định của pháp luật.

- **Về việc giải quyết vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 229, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh **Tiêu Hà P** ly hôn chị **Nguyễn Thị L**; về con chung: Giao hai con chung là **Tiêu Gia B**, sinh ngày 20/12/2014 và **Tiêu Gia L2**, sinh ngày 29/4/2017 cho anh **P** nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh **P** không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng nuôi con. Anh **P** phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị **L** được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, xin xét xử vắng mặt; người làm chứng vắng mặt. Do vậy, HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự và người làm chứng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **M**, anh **S** tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương** là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh **P** và ý kiến của chị **L** Hội đồng xét xử thấy: Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng vài năm thì đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, chị **L** không chăm lo gia đình, chồng con mà ham chơi dẫn đến xảy ra xô xát, cãi vã trong quá trình chung sống, sau đó chị **L** bỏ về nhà đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhiều năm nay. Nay anh **P** xác định không còn tình cảm với chị **L**, kiên quyết xin ly hôn, chị **L** xác định vợ chồng có mâu thuẫn, xung đột và đồng ý ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh **P** và chị **L** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **P**; xử cho anh **P**, chị **L** ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Anh **P** và chị **L** có 02 con chung là **Tiêu Gia B**, sinh ngày 20/12/2014 và **Tiêu Gia L2**, sinh ngày 29/4/2017. Khi ly hôn anh xin nuôi cả

hai con và tự nguyện không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng tiền nuôi con. Cháu **B**, cháu **L2** có nguyện vọng xin ở với bố. Mặt khác, từ khi ly thân anh **P** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con, chị **L** không có trách nhiệm hay đến thăm nom con; chị **L** đồng ý anh **P** nuôi cả hai con. Vì vậy, để đảm bảo mọi mặt cho con chung của anh chị, HĐXX giao hai con cho anh **P** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh **P**.

[4] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh **Tiêu Hà P** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 229, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh **Tiêu Hà P** ly hôn chị **Nguyễn Thị L**.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là **Tiêu Gia B**, sinh ngày 20/12/2014 và **Tiêu Gia L2**, sinh ngày 29/4/2017 cho anh **Tiêu Hà P** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ tháng 5/2024 cho đến khi các con thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh **P** không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh **Tiêu Hà P** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm Đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số BLTU/23/0000916 ngày 16/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Anh **P** đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã Cẩm Chế, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng